

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước  
năm 2020 của Sở Tư pháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3167/STC-TCHCSN ngày 03/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đã giao cho Sở Tư pháp tại Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp và Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện điều chỉnh dự toán; quản lý, sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 và các quyết định có liên quan của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Phi Long;
- Lưu: VT, K11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phi Long**

**PHỤ LỤC**

**Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tư pháp**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán giao theo QĐ số 4668/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	Dự toán đề nghị điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
<b>A</b>	<b>SỐ THU, CHI LỆ PHÍ, PHÍ</b>					
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí (1+2)</b>	<b>12,616,000,000</b>	<b>1,820,500,000</b>	<b>2,500,000</b>	<b>14,434,000,000</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>16,000,000</b>	<b>3,500,000</b>	<b>2,500,000</b>	<b>17,000,000</b>	<b>-</b>
a	Lệ phí hộ tịch	2,000,000			2,000,000	
b	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên, luật sư	5,000,000		2,500,000	2,500,000	
c	Lệ phí đăng ký văn phòng luật sư		2,500,000		2,500,000	Thực hiện theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019
d	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	9,000,000			9,000,000	
e	Lệ phí xin nhập quốc tịch Việt Nam		1,000,000		1,000,000	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>12,600,000,000</b>	<b>1,817,000,000</b>	<b>-</b>	<b>14,417,000,000</b>	<b>-</b>
a	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	2,000,000,000			2,000,000,000	
b	Phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng Công chứng		10,000,000		10,000,000	Thực hiện theo Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
c	Phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		5,000,000		5,000,000	Thực hiện theo Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017
d	Phí khai thác, sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu hộ tịch		2,000,000		2,000,000	Thực hiện theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
e	Phí công chứng	10,600,000,000	1,800,000,000		12,400,000,000	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>9,650,000,000</b>	<b>1,364,500,000</b>	<b>-</b>	<b>11,014,500,000</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>1,700,000,000</b>	<b>14,500,000</b>	<b>-</b>	<b>1,714,500,000</b>	<b>-</b>
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1,700,000,000	14,500,000		1,714,500,000	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>7,950,000,000</b>	<b>1,350,000,000</b>	<b>-</b>	<b>9,300,000,000</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7,950,000,000	1,350,000,000		9,300,000,000	Được để lại 75%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN (1+2)</b>	<b>2,966,000,000</b>	<b>456,000,000</b>	<b>2,500,000</b>	<b>3,419,500,000</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>16,000,000</b>	<b>3,500,000</b>	<b>2,500,000</b>	<b>17,000,000</b>	<b>Nộp 100% vào NSNN</b>
a	Lệ phí hộ tịch	2,000,000			2,000,000	
b	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên	5,000,000		2,500,000	2,500,000	
c	Lệ phí đăng ký văn phòng luật sư		2,500,000		2,500,000	Thực hiện theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019
d	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	9,000,000			9,000,000	
e	Lệ phí đăng ký quốc tịch		1,000,000		1,000,000	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>2,950,000,000</b>	<b>452,500,000</b>	<b>-</b>	<b>3,402,500,000</b>	
a	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	300,000,000			300,000,000	Nộp ngân sách 15%
b	Phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng Công chứng		1,000,000		1,000,000	Nộp ngân sách 10%
c	Phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		500,000		500,000	Nộp ngân sách 10%
d	Phí khai thác, sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu hộ tịch		1,000,000		1,000,000	Nộp ngân sách 50%
e	Phí công chứng	2,650,000,000	450,000,000		3,100,000,000	Nộp ngân sách 25%

<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (CHI HÀNH CHÍNH)</b>	<b>30,189,400</b>	<b>30,189,400</b>	<b>30,189,400</b>	<b>30,189,400</b>	
1	Dự toán kinh phí tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự trên địa bàn tỉnh theo QĐ số 4265/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	30,189,400		30,189,400	-	Kinh phí tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về nghĩa vụ quân sự trên địa bàn tỉnh còn dư, đề nghị chuyển sang nội dung (2)
2	Dự toán kinh phí mua bản sao giấy khai sinh cấp cho các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh		30,189,400		30,189,400	Phát sinh các khoản chi mua bản sao giấy khai sinh cấp cho các xã, phường thị trấn theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 10/7/2020